

Số: 122 SĐ10/TCKT

"V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính"
của công ty Mẹ và hợp nhất năm 2013
báo cáo đã được kiểm toán"

Hà nội, ngày 21 tháng 03 năm 2014

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ Việt Nam.

- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo kế hoạch, Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Sông Đà 10.

Nay Công ty cổ phần Sông Đà 10 (Mã chứng khoán SDT) xin gửi quý Sở bản giải trình chênh lệch giữa số liệu báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC so với số liệu đã công bố như sau:

PHẦN A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

A.1 Bảng cân đối kế toán:

I. Tổng tài sản giảm:

- Số đã công bố:	2.367.548.609.567 đồng
- Số kiểm toán:	2.366.333.424.761 đồng
- Chênh lệch giảm:	1.215.184.806 đồng

Tổng tài sản tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Các khoản phải thu khác (mã số 135) giảm:

- Số đã công bố:	19.243.568.707 đồng
- Số kiểm toán:	19.219.472.601 đồng
- Chênh lệch giảm:	24.096.106 đồng

Nguyên nhân: Do giảm trích các khoản bảo hiểm thu của người lao động

2. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (mã số 139) tăng:

- Số đã công bố:	-25.064.294.871 đồng
- Số kiểm toán:	-27.474.254.332 đồng

- Chênh lệch tăng: -2.409.959.461 đồng

Nguyên nhân: Do trích lập bổ sung dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi

3. Chi phí trả trước ngắn hạn (mã số 151) tăng:

- Số đã công bố: 1.381.529.253 đồng

- Số kiểm toán: 1.485.712.783 đồng

- Chênh lệch tăng: 104.183.530 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) sang chi phí trả trước ngắn hạn.

4. Tài sản ngắn hạn khác (mã số 158) tăng:

- Số đã công bố: 22.256.742.075 đồng

- Số kiểm toán: 22.259.408.742 đồng

- Chênh lệch tăng: 2.666.667 đồng

Nguyên nhân: Do xác định bổ sung tiền lãi từ khoản ký quỹ

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 230) giảm:

- Số đã công bố: 408.184.120.211 đồng

- Số kiểm toán: 392.465.521.916 đồng

- Chênh lệch giảm: 15.718.598.295 đồng

Nguyên nhân:

- Do phân bổ khoản chi phí ngắn hạn: 141.513.636 đồng

- Do điều chỉnh báo cáo khi hợp nhất Công ty con: 15.577.084.659 đồng

6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (mã số 259) giảm:

- Số đã công bố: -41.608.206.665 đồng

- Số kiểm toán: -24.673.404.276 đồng

- Chênh lệch giảm: 16.934.802.389 đồng

Nguyên nhân:

- Do giảm trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn: 1.409.151.837 đồng

- Do điều chỉnh khoản trích lập dự phòng của Công ty Mẹ đầu tư vào công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính 15.525.650.552 đồng.

7. Chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) giảm:

- Số đã công bố: 37.156.390.998 đồng

- Số kiểm toán: 37.052.207.468 đồng

- Chênh lệch giảm: 104.183.530 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) sang chi phí trả trước ngắn hạn (mã số 151).

II. Tổng tài sản giảm:

- Số đã công bố: 2.367.548.609.567 đồng
- Số kiểm toán: 2.366.333.424.761 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.215.184.806 đồng

Tổng nguồn vốn tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước giảm

- Số đã công bố: 51.872.187.961 đồng
- Số kiểm toán: 51.538.482.893 đồng
- Chênh lệch giảm: 333.705.068 đồng

Nguyên nhân: Do giảm lợi nhuận dẫn đến giảm thuế TNDN phải nộp tại Công ty Mẹ

2. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác (mã số 319) tăng:

- Số đã công bố: 74.791.223.120 đồng
- Sau kiểm toán: 74.920.741.144 đồng
- Chênh lệch tăng: 129.518.024 đồng

Nguyên nhân:

* Tăng: 212.497.831 đồng

- Xác định bổ sung chi phí đào tạo: 21.096.250 đồng
- Trích bổ sung kinh phí công đoàn: 191.401.581 đồng

* Giảm: 82.979.807 đồng

- Giảm các khoản bảo hiểm do trích thừa: 43.144.193 đồng
- Giảm khoản kinh phí công đoàn tại công ty con: 39.835.614 đồng

3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (mã số 335) tăng:

- Số đã công bố: 0 đồng
- Số kiểm toán: 3.415.643.121 đồng
- Chênh lệch tăng: 3.415.643.121 đồng

Nguyên nhân: Do xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khoản trích lập dự phòng đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính.

4. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411) giảm:

- Số đã công bố: 273.780.000.000 đồng
- Số kiểm toán: 273.779.960.000 đồng
- Chênh lệch giảm: 40.000 đồng

Nguyên nhân: Do hủy cổ phiếu lẻ từ đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

5. Quỹ đầu tư phát triển (mã số 417) tăng:

- Số đã công bố: 199.837.913.841 đồng
- Số kiểm toán: 199.837.953.841 đồng
- Chênh lệch tăng: 40.000 đồng

Nguyên nhân: Do hủy cổ phiếu lẻ từ đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 420) tăng:

- Số đã công bố: 53.411.930.847 đồng
- Số kiểm toán: 55.181.305.072 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.769.374.225 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khi hợp nhất báo cáo tài chính và xác định lại lợi ích cổ đông thiểu số khi hợp nhất báo cáo tài chính.

7. Lợi ích cổ đông thiểu số (mã số 439) giảm:

- Số đã công bố: 154.148.633.605 đồng
- Số kiểm toán: 147.952.618.496 đồng
- Chênh lệch giảm: 6.196.015.108 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khi hợp nhất báo cáo tài chính và xác định lại lợi ích cổ đông thiểu số khi hợp nhất báo cáo tài chính.

A.2 Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế đã công bố: 112.833.642.480 đồng
- Lợi nhuận trước thuế kiểm toán : 111.488.939.650 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.344.702.830 đồng

Nguyên nhân:

Việc giảm lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của đơn vị do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01) giảm:

- Số đã công bố: 1.382.474.904.555 đồng
- Số kiểm toán: 1.360.572.006.375 đồng
- Chênh lệch giảm: 21.902.898.180 đồng

Nguyên nhân: Do chưa loại trừ hết doanh thu nội bộ khi hợp nhất báo cáo.

2. Giá vốn hàng bán (mã số 11) giảm:

- Số đã công bố: 1.076.881.645.812 đồng
- Số kiểm toán: 1.055.152.817.055 đồng
- Chênh lệch giảm: 21.728.828.757 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng: 213.269.017 đồng** do trích bổ sung kinh phí công đoàn tại văn phòng công ty mẹ

* **Giảm: 21.942.097.774 đồng**

- Do giảm trích các khoản Bảo hiểm xã hội : 39.199.594. đồng

- Do loại trừ giá vốn nội bộ tương ứng với loại trừ doanh thu khi hợp nhất báo cáo tài chính: 21.902.898.180 đồng.

Việc giảm doanh thu đồng thời giảm giá vốn do chưa loại trừ hết các giao dịch nội bộ không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của toàn công ty khi hợp nhất báo tài chính.

3. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21) giảm

- Số đã công bố: 3.174.540.973 đồng

- Số kiểm toán: 2.090.220.664 đồng

- Chênh lệch giảm: 1.084.320.309 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng: 2.666.667 đồng**

- Do xác định bổ sung khoản lãi từ khoản tiền ký quỹ: 2.666.667 đồng

* **Giảm: 1.086.986.976 đồng,**

- Do điều chỉnh hạch toán khoản tiền thoái vốn đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.062.286.976 đồng

- Do điều chỉnh tại Công ty con: 24.700.000 đồng

4. Chi phí hoạt động tài chính (mã số 22) giảm

- Số đã công bố: 103.663.025.009 đồng

- Số kiểm toán: 85.641.235.644 đồng

- Chênh lệch giảm: 18.021.789.365 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng: 12.163.045 đồng,** do điều chỉnh trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con.

* **Giảm: 18.033.952.410 đồng** do

- Điều chỉnh hạch toán khoản tiền thoái vốn đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.062.286.976 đồng tương ứng với điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính.

- Giảm trích lập dự phòng khoản đầu tư dài hạn: 1.409.716.389 đồng

- Điều chỉnh khoản trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính: 15.537.249.045 đồng (điều chỉnh sang mã số 32).

- Do điều chỉnh chi phí tài chính tại Công ty con (CTCP Sông Đà 10.1): 24.700.000 đồng.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25) tăng:

- Số đã công bố: 90.539.823.692 đồng
- Số kiểm toán: 93.112.393.039 đồng
- Chênh lệch tăng: 2.572.569.347 đồng

Nguyên nhân:

- Do trích bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi : 2.409.959.461 đồng
- Do xác định bổ sung tiền kinh phí đào tạo : 21.096.250 đồng
- Do phân bổ khoản chi phí ngắn hạn : 141.513.636 đồng

6. Chi phí khác (mã số 32) tăng:

- Số đã công bố: 9.599.876.014 đồng
- Số kiểm toán: 25.135.409.130 đồng
- Chênh lệch tăng: 15.535.533.116 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng:** Do điều chỉnh khoản trích lập dự phòng của công ty mẹ đầu tư vào công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính: 15.537.249.045 đồng (từ mã số 22 sang mã số 32).

* **Giảm:** Do giảm các khoản tiền phạt đã hạch toán: 1.715.929 đồng

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã số 51) giảm:

- Số đã công bố: 24.766.172.811 đồng
- Số kiểm toán: 24.432.467.744 đồng
- Chênh lệch giảm: 333.705.067 đồng

Nguyên nhân: Do giảm lợi nhuận dẫn đến giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52) tăng:

- Số đã công bố: 0 đồng
- Số kiểm toán: 3.415.643.121 đồng
- Chênh lệch tăng: 3.415.643.121 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khoản trích dự phòng của công ty mẹ đầu tư vào công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính dẫn đến tăng chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

9. Lợi nhuận sau thuế (mã số 60) giảm:

- Số đã công bố: 88.067.469.669 đồng
- Số kiểm toán: 83.640.828.785 đồng
- Chênh lệch giảm: 4.426.640.884 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng: 333.705.067 đồng**, do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

* **Giảm: 4.760.345.951 đồng**

- Do tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: 3.415.643.121 đồng

- Giảm lợi nhuận do các nguyên nhân đã nêu ở trên: 1.344.702.830 đồng

B.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 20) tăng:

- Số đã công bố: 89.420.276.434 đồng

- Số kiểm toán: 92.702.534.832 đồng

- Chênh lệch tăng: 3.284.258.398 đồng

2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (mã số 30) giảm:

- Số đã công bố: -19.784.089.548 đồng

- Số kiểm toán: -47.854.293.041 đồng

- Chênh lệch giảm: 28.070.203.493 đồng

3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (mã số 40) tăng:

- Số đã công bố: 1.716.872.142 đồng

- Số kiểm toán: 26.502.968.230 đồng

- Chênh lệch tăng: 24.786.096.088 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh các khoản mục tại công ty con dẫn đến điều chỉnh khi hợp nhất báo cáo tài chính.

PHẦN B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CTCP SÔNG ĐÀ 10 - CÔNG TY MẸ

B.1 Bảng cân đối kế toán:

I. Tổng tài sản giảm:

- Số đã công bố: 1.604.190.261.970 đồng

- Số kiểm toán: 1.603.026.511.271 đồng

- Chênh lệch giảm: 1.163.750.699 đồng

Tổng tài sản giảm do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Các khoản phải thu khác (mã số 135) giảm:

- Số đã công bố: 15.853.605.896 đồng

- Số kiểm toán: 15.829.509.790 đồng

- Chênh lệch giảm: 24.096.106 đồng

Nguyên nhân: Do giảm trích các khoản bảo hiểm thu của người lao động

2. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (mã số 139) tăng:

- Số đã công bố: -24.591.833.871 đồng

- Số kiểm toán: -27.001.793.332 đồng
- Chênh lệch tăng: -2.409.959.461 đồng

Nguyên nhân: Do trích lập bổ sung dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi

3. Chi phí trả trước ngắn hạn (mã số 151) tăng:

- Số đã công bố: 0 đồng
- Số kiểm toán: 104.183.530 đồng
- Chênh lệch tăng: 104.183.530 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) sang chi phí trả trước ngắn hạn.

4. Tài sản ngắn hạn khác (mã số 158) tăng:

- Số đã công bố: 18.756.008.147 đồng
- Số kiểm toán: 18.758.674.814 đồng
- Chênh lệch tăng: 2.666.667 đồng

Nguyên nhân: Do xác định bổ sung tiền lãi từ khoản ký quỹ

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 230) giảm:

- Số đã công bố: 3.646.298.676 đồng
- Số kiểm toán: 3.504.785.040 đồng
- Chênh lệch giảm: 141.513.636 đồng

Nguyên nhân: Do phân bổ khoản chi phí ngắn hạn.

6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (mã số 259) giảm:

- Số đã công bố: -40.108.206.665 đồng
- Số kiểm toán: -38.699.054.828 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.409.151.837 đồng

Nguyên nhân: Do giảm trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn.

7. Chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) giảm:

- Số đã công bố: 36.106.325.370 đồng
- Số kiểm toán: 36.002.141.840 đồng
- Chênh lệch giảm: 104.183.530 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) sang chi phí trả trước ngắn hạn (mã số 151).

II. Tổng nguồn vốn giảm:

- Số đã công bố: 1.604.190.261.970 đồng
- Số kiểm toán: 1.603.026.511.271 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.163.750.699 đồng

Tổng nguồn vốn giảm do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (mã số 314) giảm:

- Số đã công bố: 45.237.899.919 đồng
- Số kiểm toán: 44.904.194.852 đồng
- Chênh lệch giảm: 333.705.067 đồng

Nguyên nhân: Do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do giảm lợi nhuận trong năm.

2. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác (mã số 319) tăng:

- Số đã công bố: 68.522.796.230 đồng
- Sau kiểm toán: 68.692.149.868 đồng
- Chênh lệch tăng: 169.353.638 đồng

Nguyên nhân:

*** Tăng: 212.497.831 đồng**

- Xác định bổ sung chi phí đào tạo: 21.096.250 đồng
- Trích bổ sung kinh phí công đoàn: 191.401.581 đồng

*** Giảm: 43.144.193 đồng**

- Giảm các khoản bảo hiểm do trích thừa: 43.144.193 đồng

3. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411) giảm:

- Số đã công bố: 273.780.000.000 đồng
- Số kiểm toán: 273.779.960.000 đồng
- Chênh lệch giảm: 40.000 đồng

4. Quỹ đầu tư phát triển (mã số 417) tăng:

- Số đã công bố: 158.386.887.730 đồng
- Số kiểm toán: 158.386.927.730 đồng
- Chênh lệch tăng: 40.000 đồng

Nguyên nhân giảm mã số 411 tương ứng tăng mã số 417: Do hủy cổ phiếu lẻ từ đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 420) giảm:

- Số đã công bố: 38.982.912.588 đồng
- Số kiểm toán: 38.983.513.318 đồng
- Chênh lệch giảm: 999.399.270 đồng

Nguyên nhân: Do giảm lợi nhuận và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

B.2 Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế đã công bố: 94.082.606.991 đồng
- Lợi nhuận trước thuế đã kiểm toán: 92.749.502.654 đồng

Chênh lệch giảm: 1.333.104.337 đồng

Nguyên nhân:

Việc giảm lợi nhuận năm 2013 của Công ty CTCP Sông Đà 10 - công ty mẹ do điều chỉnh các chỉ tiêu sau:

1. Giá vốn hàng bán (mã số 11) tăng:

- Số đã công bố: 954.801.480.532 đồng
- Số kiểm toán: 954.975.549.955 đồng
- Chênh lệch tăng: 174.069.423 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng:** Do trích bổ sung kinh phí công đoàn: 213.269.017 đồng

* **Giảm:** Do giảm trích các khoản Bảo hiểm xã hội: 39.199.594 đồng

2. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21) giảm:

- Số đã công bố: 4.188.887.749 đồng
- Số kiểm toán: 3.129.267.440 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.059.620.309 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng:** Xác định bổ sung khoản lãi từ khoản tiền ký quỹ: 2.666.667 đồng

* **Giảm:** Do điều chỉnh hạch toán khoản tiền thoái vốn đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.062.286.976 đồng

3. Chi phí hoạt động tài chính (mã số 22) giảm:

- Số đã công bố: 86.437.403.301 đồng
- Số kiểm toán: 83.965.964.488 đồng
- Chênh lệch giảm: 2.471.438.813 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng:** 564.552 đồng do tăng trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con.

* **Giảm:** 2.472.003.365 đồng do:

- Điều chỉnh hạch toán khoản tiền thoái vốn đầu tư tài chính ngắn hạn tương ứng với giảm doanh thu hoạt động tài chính: 1.062.286.976 đồng

- Giảm trích lập dự phòng khoản đầu tư dài hạn: 1.409.716.389 đồng

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25) tăng:

- Số đã công bố: 75.093.194.710 đồng
- Số kiểm toán: 77.665.764.057 đồng
- Chênh lệch tăng: 2.572.569.347 đồng

Nguyên nhân:

- Do trích bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi : 2.409.959.461 đồng

- Do xác định bổ sung tiền kinh phí đào tạo : 21.096.250 đồng
- Do phân bổ khoản chi phí ngắn hạn : 141.513.636 đồng

4. Chi phí khác (mã số 32) giảm:

- Số đã công bố: 1.431.432.200 đồng
- Số kiểm toán: 1.429.716.271 đồng
- Chênh lệch giảm: 1.715.929 đồng

Nguyên nhân: Do giảm các khoản tiền phạt đã hạch toán

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 29) giảm:

- Số đã công bố: 23.759.740.527 đồng
- Số kiểm toán: 23.426.035.460 đồng
- Chênh lệch giảm: 333.705.067 đồng

Nguyên nhân: Do giảm lợi nhuận dẫn đến giảm chi phí thuế TNDN

B.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 20) tăng:

- Số đã công bố: 87.220.946.135 đồng
- Số kiểm toán: 88.283.233.111 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.062.286.976 đồng

2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (mã số 30) giảm:

- Số đã công bố: -22.944.924.672 đồng
- Số kiểm toán: -24.007.211.648 đồng
- Chênh lệch giảm: - 1.062.286.976 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh tiền thu từ thoái vốn khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (mã số 27) sang mục tiền thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (mã số 01).

Kính đề nghị Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin cho các nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Sông Đà 10 xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/cáo)
- Lưu SĐ10



K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lưu Đức Kiên

